Exercise 1: Chọn từ khác loại

1. A. Old B. Short C. Teacher D. Beautiful

2. A. Friendly B. Lovely C. Happily D. Pretty

3. A. Thick B. Than C. Thin D. Slim

4. A. Childhood B. Footballer C. Engineer D. Writer

Exercise 2: Dịch các câu sau sang tiếng Anh

1. Bạn có muốn uống một chút nước chanh không?

_____?

2. Anh trai của tôi là một kỹ sư.

_____.

Exercise 3: Đọc đoạn văn trả lời câu hỏi

Hi. I'm Lily. Look at this picture. I'll tell you about my family. There are 4 people in my family. This is my parents. My father is taller than my mother. He is a driver and my mother is a housewife. This is my sister, Linda. She is eleven years old. She is older than me. She is slim but very sporty. She like playing football. She is lovely and cheerful. The smallest girl is me. I love family.

1. How many people are there in her family?

_____.

2. Is her father tall?

_____.

3. What is her sister's name?

_____.

4. What does her sister look like?

_____.

Exercise 4: Chọn đáp án đúng

1. I _____ to school late yesterday.

A. went B. go

C. goes D. going

2. His brother is _____ musician.

A. a B. an

C. the D. X

3. Please tell me what time do you _____ your homework?

A. get B. go

C. have D. do

4. - What is their _____ drink? - They like chicken.

A. favourite B. cheerful

C. kind D. tall

5. My sister often _____ to music in her free time.

A. cooks B. listens

C. reads D. goes

6. Her birthday is _____ February 25th.

A. at B. in

C. on D. for

7. People use _____ to see the time.

A. cars B. televisions

C. news D. clocks

8. My teacher is tall _____ thin.

A. but B. for

C. and D. or

Exercise 5: Sắp xếp các từ để tạo thành câu hoàn chỉnh

1. like/ mother/ what/ your/ does/ look/?

_____

2. me/ brother/ is/ older/ my/ than/.

_____

3. what/ grandparents/ do/ like/ your/ look/?

_____

4. are/ their/ house/ decorating/ they/.

_____

Đáp án

Exercise 1: Chọn từ khác loại

1. C	**2. C**	**3. B**	**4. A**

Exercise 2: Dịch các câu sau sang tiếng Anh

1. Would you like some lemonade?

2. My brother is an engineer.

Exercise 3: Đọc đoạn văn trả lời câu hỏi

1. There are 4 people in her family.

2. Yes, he is.

3. Her name is Linda.

4. She is slim but very sporty.

Exercise 4: Chọn đáp án đúng

	Đáp án	Giải thích
1	A	Câu chia thời quá khứ vì có mốc thời gian "yesterday"
		Dịch: Tôi đến trường ngày hôm qua.
2	A	A + nguyên âm
		Dịch: Anh trai của cậu ấy là một nhạc sĩ.
3	D	Cụm từ "do your homework": làm bài tập về nhà

		Dịch: Làm ơn nói cho tôi biết bạn làm bài tập về nhà lúc mấy giờ.
4	A	Favourite: ưa thích
		Dịch: đồ uống ưa thích của bạn là gì?
5	B	Listen to music: nghe nhạc
		Dịch: Chị gái tôi thường nghe nhạc vào thời gian rảnh.
6	C	On + ngày tháng
		Dịch: Sinh nhật của cô ấy vào ngày 25/2.
7	D	Dịch: Mọi người dùng đồng hồ để xem giờ.
8	C	And: và
		Dịch: Cô giáo mình cao và gầy.

Exercise 5: Sắp xếp các từ để tạo thành câu hoàn chỉnh

1 - What does your mother look like?

2 - My brother is older than me.

3 - What do your grandparents look like?

4 - They are decorating their house.

5 - My father is big and strong.